

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/DS-ST
Ngày: 29-11-2018
V/v tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phùng Hiếu Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lịch – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2017, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Chị Võ Thị Thu H, sinh năm 1973.

2. Anh Lê Tuấn T, sinh năm 1974.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Lê Tuấn T: Chị Võ Thị Thu H, sinh năm 1973.

là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2018).

Cùng địa chỉ: Số nhà AA, đường C, KDC K, Phường X, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Lê Thái B**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà XX, đường T1, khóm T2, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Trần Thị T3**, sinh năm 1985.*

Địa chỉ: Số nhà XX, đường T1, khóm T2, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị H có mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt không có lý do, chị T3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Võ Thị Thu H cũng đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Tuấn T trình bày:*

Do anh T, chị H xây dựng nhà và anh B có đảm nhận phần thi công lợp ngói cho chị H, anh T nên vào khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2016 thì chị H, anh T có cho anh Lê Thái B mượn số tiền 350.000.000 đồng để mua sắt thép, ngói, không làm biên nhận, chỉ thỏa thuận miệng do anh B hẹn chỉ mượn tạm, vài ngày trả tiền. Nhưng sau đó, anh B không trả tiền như đã hẹn, anh B nói sẽ cần trừ vào tiền đá hoa cương mà chị H, anh T nhờ anh B mua giúp để xây dựng nhà là 201.000.000 đồng, do đó số tiền anh B còn nợ chị H, anh T là 149.000.000 đồng.

Do sợ anh B không trả tiền nên ngày 11/4/2017, chị H, anh T yêu cầu anh B viết biên nhận mượn số tiền 149.000.000 đồng, mỗi tháng anh B sẽ trả cho chị H, anh T 30.000.000 đồng tiền vốn, không thỏa thuận lãi suất và anh B trả cho đến khi nào hết nợ, biên nhận do anh B tự viết, tự ký tên. Để đảm bảo cho khoản vay nên anh B tự nguyện viết tên vợ là Trần Thị T3 vào biên nhận vì anh B nói khi mượn của chị H, anh T thì có nói cho chị T3 biết, chị T3 có biết việc anh B mượn tiền, do đó chị H, anh T đồng ý.

Trong quá trình mượn tiền thì anh B có trả dần cho chị H, anh T nhiều lần tổng cộng là 102.000.000 đồng, đến ngày 08/12/2017 thì anh B không còn tiếp tục trả tiền cho chị H, anh T và tính đến nay thì anh B còn nợ lại số tiền 47.000.000 đồng. Chị H, anh T có đến nhà anh B tại địa chỉ XX đường T1, khóm T2, phường A, thành phố S để yêu cầu anh B, chị T3 trả nợ nhưng chỉ gặp được cha của anh B, chị H trình bày vì trong quá trình thi công phân lợp ngói thì cha của anh B có đến công trình nên biết cha của anh B nhưng chị T3 và cha của anh B nói không biết gì về khoản nợ của anh B với chị H, anh T.

Tại phiên tòa, ngày 25 tháng 7 năm 2018 chị H có yêu cầu giám định chữ ký của anh Lê Thái B và đã được Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó tạm ngừng phiên tòa ngày 25 tháng 7 năm 2018 để tiến hành thủ tục giám định chữ ký của anh B.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H là nguyên đơn cũng đồng thời là đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho nguyên đơn anh Lê Tuấn T yêu cầu anh Lê Thái B và chị Trần Thị T3 phải liên đới trả số tiền vốn là 47.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Đối với bị đơn anh Lê Thái B:* Anh B đã được tổng đạt và được triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng anh B không đến Tòa án. Vào ngày 26 tháng 01 năm 2018, anh Lê Thái B có tờ tường trình gửi Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, có ý kiến đề nghị dời thời gian làm việc đến ngày 15/3/2018 nhưng sau đó anh B không đến Tòa án, không có văn bản ý kiến, trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Đối với số tiền mà anh B vay mượn tiền của chị H và anh T là 149.000.000 đồng, còn thiếu lại số tiền 47.000.000 đồng thì chị T3 không biết, đến khi Tòa án triệu tập làm việc chị T3 mới biết. Chị T3 xác định chị T3 không có vay tiền của chị H và anh T, việc trên biên nhận ngày mượn tiền ngày 11/4/2017 có tên chị T là do chị H và anh T yêu cầu anh B ghi tên chị T3 vào biên nhận mới cho anh B vay mượn tiền, Trong biên nhận trên chị T3 không có ký và ghi họ tên. Do đó, chị Trần Thị T3 không đồng ý liên đới cùng anh Lê Thái B trả cho chị Võ Thị Thu H và anh Lê Tuấn T số tiền vốn vay còn nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

+ Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn anh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T3 chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Thu H và anh Lê Tuấn T về việc yêu cầu chị Trần Thị T3 cùng liên đới với anh Lê Thái B trả tiền vốn vay còn nợ là 47.000.000 đồng.

Bác yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Thu H và anh Lê Tuấn T về việc yêu cầu chị Trần Thị T3 cùng liên đới với anh Lê Thái B trả tiền vốn vay còn nợ là 47.000.000 đồng.

Buộc anh anh Lê Thái B phải trả cho chị Võ Thị Thu H và anh Lê Tuấn T số tiền vốn vay còn nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Về chi phí giám định và án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Trần Thị T3 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Thái B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án và không có văn bản ý kiến trình bày gửi Tòa án. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T3.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Thu H và anh Lê Tuấn T yêu cầu anh Lê Thái B và chị Trần Thị T3 liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị H và anh T như sau: vào năm 2016 chị H và anh T có xây dựng nhà, do anh B có đảm nhận phần thi công lợp ngói nhà cho chị H và anh T nên vào khoảng tháng 9, 10 năm 2016 anh B và chị T3 có vay của chị H và anh T số tiền là 350.000.000 đồng, không có lãi suất và không có làm biên nhận. Sau đó anh B có trả cho chị H và anh T được số tiền là 201.000.000 đồng. Do sợ anh B không trả tiền nên đến ngày 11/4/2017 chị H và anh T có yêu cầu anh B và chị T3 viết biên nhận mượn tiền. Việc anh B và chị T3 còn nợ chị H và anh T được chị H và anh T chứng minh bằng biên nhận mượn tiền đề ngày 11/4/2017 có chữ ký của anh B, đã thể hiện đúng như lời trình bày của anh chị H và anh T.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B. Vào ngày 26 tháng 01 năm 2018, anh Lê Thái B có tờ tường trình, với địa chỉ ghi trên tờ tường trình là số nhà XX, đường T1, khóm T2, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp gửi Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, có ý kiến đề nghị dời thời gian làm việc đến ngày 15/3/2018, điều đó xác định anh B đã biết nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhưng từ khi có tờ tường trình đến nay anh B không có đến Tòa án liên hệ cũng như không văn bản ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, xem như anh B đã từ chối thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ kết luận giám định số 730/KL-KTHS ngày 20/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Chữ ký, chữ viết Lê Thái B trong “Biên nhận mượn tiền” ngày 11/4/2017 (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết của anh Lê Thái B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M14 (Bao

gồm các chữ ký thu thập từ hồ sơ vay vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín CN Đồng Tháp – PGD S, hồ sơ ly hôn thu thập tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp và chữ ký, tên Lê Thái B trong tờ tường trình ngày 26/01/2018) là do một người ký ra.

Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh B trả số tiền vay 47.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị H và anh T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn vì không trái quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thu H cũng đồng thời là đại diện theo ủy quyền nguyên đơn anh Lê Tuấn T yêu cầu chị Trần Thị T3 có trách nhiệm liên đới với anh Lê Thái B trả số tiền vốn vay còn nợ là 47.000.000 đồng, với lý do chị Trần Thị T3 là vợ anh B, trong biên nhận có tên của chị T3, khi anh B mượn tiền của chị H, anh T thì có nói cho chị T3 biết, chị T3 có biết việc anh B mượn tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh là chị H và anh T cho anh B và chị T3 vay tiền và căn cứ theo biên nhận mượn tiền đề ngày 11/4/2017 thì chỉ có anh B ký tên và ghi tên Lê Thái B, không có chữ ký của chị Trần Thị T3, chị H và anh T không chứng minh được chị T3 sử dụng chung số tiền vay với anh B. Đồng thời, tại phiên tòa chị H xác định thời điểm vay tiền, nhận tiền và trả tiền thì không có mặt chị T3. Trong khi chị T3 khẳng định khi anh B vay tiền của chị H và anh T thì chị T không biết, số tiền vay này anh B sử dụng riêng, chị T không sử dụng số tiền này. Từ các căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của chị H và anh T yêu cầu chị T3 liên đới cùng anh B trả nợ cho chị H và anh T là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị H và anh T, bác yêu cầu của chị H và anh T về việc yêu cầu anh B và chị T liên đới trả tiền vốn vay còn nợ cho chị H và anh T, buộc anh B có trách nhiệm trả tiền vốn vay còn nợ cho chị H và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như đúng nội dung vụ án như đã nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí giám định: Nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký trong biên nhận ngày 11/4/2017 và đã nộp xong chi phí giám định chữ ký với số tiền 2.025.000 đồng. Theo kết luận giám định thì chữ ký trong biên nhận là của anh Lê Thái B ký ra. Do đó, anh Lê Thái B phải có trách nhiệm hoàn trả chi phí giám định là 2.025.000 đồng cho chị H và anh T.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thu H, anh Lê Tuấn T về việc yêu cầu anh Lê Thái B, chị Trần Thị T3 trả số tiền vốn vay còn nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Bác yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Thu H và anh Lê Tuấn T yêu cầu chị Trần Thị T3 cùng liên đới với anh Lê Thái B trả tiền vốn vay còn nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Buộc anh Lê Thái B phải trả cho chị Võ Thị Thu H và anh Lê Tuấn T số tiền vốn vay còn nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí giám định: Anh Lê Thái B phải nộp toàn bộ chi phí giám định chữ ký là 2.025.000 đồng. Do chị Võ Thị Thu H và anh Lê Tuấn T đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký số tiền là 2.025.000 đồng xong nên buộc anh B trả lại cho chị H và anh T toàn bộ chi phí giám định chữ ký là 2.025.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Thái B phải nộp 2.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H và anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chị T3 liên đới với anh B trả tiền vốn vay không được chấp nhận. Đối với số tiền chị Võ Thị Thu H và anh Lê Tuấn T đã nộp tạm ứng án phí là 1.249.800 đồng theo biên lai số 01335 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, được khấu trừ vào số tiền án phí phải nộp. Sau khi khấu trừ vào án phí phải nộp, chị H và anh T được nhận lại số tiền 949.800 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Lê Thái B và người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan Trần Thị T3 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Tuấn Em